**TUẦN 19**

**TIẾT 3: TIẾNG VIỆT**

 **134: ĐỌC. Bài 3: HẠT GẠO LÀNG TA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1. Kiến thức:**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài thơ Hạt gạo làng ta. Biết đọc diễn cảm bài thơ với giọng điệu phù hợp, nhấn giọng ở những từ ngữ nêu giá trị của hạt gạo và những khó khăn, vất vả mà người nông dân phải trải qua trong quá trìmh sản xuất lúa gạo.

Đọc hiểu: Nhận biết được giá trị của hạt gạo thông qua các hình ảnh liên tưởng so sánh. Hiểu điều tác giả muốn gửi gắm qua bài thơ: Bài thơ ca ngợi tinh thần vượt lên khó khăn, vất vả, ca ngợi phẩm chất cần cù, chịu khó của người nông dân trong việc sản xuất ra lúa gạo, nuôi sống con người.

**2. Năng lực.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, nơi đã nuôi dưỡng con người lớn khôn.

- Phẩm chất nhân ái: Yêu thương con người đặc biệt là những người nông dân làm ra lúa gạo.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

\* Lồng ghép:

 + GDĐĐLS: Biết ơn những người có công với quê hương đất nước.

 +GDQCN: Quyền được sống trong hoà bình

+GD QPAN: Ca ngợi tình dân quân

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- BGĐT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động mở đầu :**  2 – 3’ |
| **-Trao đổi với bạn những điều em biết về công việc của người nông dân.**- GV chiếu hình ảnh tác giả Trần Đăng Khoa.Trần Đăng Khoa - Báo VnExpress- GV yêu cầu HS chia sẻ những hiểu biết của em về tác giả Trần Đăng Khoa.- GV giới thiệu thêm: *Nhà thơ Trần Đăng Khoa được mệnh danh là Thần đồng thơ ca. Ông đã sáng tác rất nhiều tác phẩm dành cho trẻ em. Ngày hôm nay cô cũng sẽ giới thiệu đến các em một bài thơ rất hay của ông. Nhưng trước khi bước vào bài học cô mời các em cùng nghe một đoạn nhạc và suy nghĩ đoán tên bài hát.*- GV nhận xét, tuyên dương.-GV dẫn dắt vào bài mới.: *Đây là bài hát: Hạt gạo làng ta của nhạc sĩ Trần Viết Bính phổ nhạc từ bài thơ Hạt gạo làng ta của nhà thơ Trần Đăng Khoa.* | -HS trao đổi,chia sẻ: Công việc của những người nông dân rất vất vả. Họ phải “bán mặt cho đất, bán lưng cho trời” quanh năm suốt tháng. Những công việc họ làm là:- Cày bừa, xới đất cho vụ mùa- Gieo mầm và chăm sóc các loại cây lương thực,….- Bắt sâu, bón phân cho cây- Thu hoạch và bảo quản nông sản,…-HS quan sát- HS chia sẻ hiểu biết về tác giả Trần Đăng Khoa.- HS lắng nghe.- HS nghe, cảm nhận và đoán tên bài hát: Hạt gạo làng ta của nhạc sĩ Trần Viết Bính.- HS lắng nghe.-HS lắng nghe |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.** |
| **1.Luyện đọc đúng:** 10 – 12’- Yêu cầu 1 HS đọc mẫu, cả lớp đọc thầm nhẩm thuộc và xác định các khổ thơ.- H: Bài gồm mấy khổ thơ? -GV chốt: 5 khổ thơ+ Khổ thơ 1: Hạt gạo làng ta…đắng cay+ Khổ thơ 2: Hạt gạo làng ta…xuống cấy+ Khổ thơ 3: Hạt gạo làng ta…giao thông+ Khổ thơ 4: Hạt gạo làng ta…quết đất+ Khổ thơ 5: Còn lại\* Thảo luận nhóm 4: 5’(màn hình)+ Tìm từ khó hiểu nghĩa trong bài.+ Tìm và luyện đọc từ khó phát âm + Cách ngắt ở các dòng thơ + Cách đọc các khổ thơ và luyện đọc từng khổ- Hết TG mời các nhóm lần lượt báo cáo việc thực hiện các yêu cầu trên:- YC 1: Trong bài có từ nào em chưa hiểu nghĩa+ GV nghe đại diện nhóm báo cáo, giải đáp những vướng mắc của HS bằng từ điển - YC 2: Trong bài, từ nào khó phát âm?- > GV ghi bảng các từ khó, phân tích 1 số tiếng - mời những em đọc sai đọc lại.- YC3: Luyện ngắt nhịp thơ: - YC 4: Nêu cách đọc đúng từng khổ thơ.- Nêu cách đọc đúng toàn bài?- YC 1 HS đọc cả bài. | - Đọc thầm nhẩm thuộc , xác định các khổ thơ-Bài gồm 5 khổ thơ.-H đọc nối khổ thơ- 1 HS đọc yêu cầu - HS thảo luận nhóm 4 TG 5 phút.- Đại diện nhóm báo cáo – chia sẻ.- YC 1: Các TN kết hợp với hình ảnh (dự kiến):**+ Kinh Thầy**: một con sông ở tỉnh Hải Dương.**+ Hào gia thông**: đường đào sâu dưới đất để đi lại được an toàn trong chiến tranh.**+ Trành (giành):** Dụng cụ đan bằng tre, nứa, đáy phẳng, có thành, dùng để vận chuyển đất đã, phân trâu bò, …**+ Tiền tuyến**: tuyến trước, nơi trực tiếp chiến đấu với giặc.+ YC 2:Dự kiến một số từ khó:**-Khổ 3: Dòng 3**: trút trên**-Khổ 4: Dòng 8**: Quang trành, quết- YC3:HS luyện ngắt nhịp thơ:*Hạt gạo làng ta**Có vị phù sa**Của sông Kinh Thầy /**Có hương sen thơm**Trong hồ nước đầy /**Có lời mẹ hát**Ngọt bùi đắng cay…//*- HS chia sẻ cách đọc đúng từng khổ thơ – đọc từng khổ thơ- Đọc rõ ràng, trôi chảy ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, phát âm đúng.- 1 HS đọc |
| **2.Tìm hiểu bài. 10 – 12**- GV tổ chức cho HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm đôi để trả lời từng câu hỏi:+ Câu 1: Ở khổ thơ thứ nhất, chi tiết nào cho thấy hạt gạo được kết tinh từ những tinh tuỷ của thiên nhiên*?*+ Câu 2: Bài thơ cho thấy nét đẹp gì của người nông dân trong quá trình làm ra hạt gạo? -Nét đẹp ấy được thể hiện qua nhĩmg hình ảnh nào?+ Câu 3: Hai dòng thơ “*Bát cơm mùa gặt/ Thơm hào giao thông* ” gợi cho em suy nghĩ gì? Em chọn ý nào? Vì sao?+ Câu 4: Các bạn nhỏ đã đóng góp những gì để làm ra hạt gạo?+ Câu 5: Trong bài thơ, vì sao hạt gạo được gọi là “hạt vàng’’ (ý nói quý như vàng)? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến của em.A. Vì hạt gạo nuôi sống con người từ bao đời nay.B. Vì hạt gạo kết tinh từ những gì tinh túy của đất trời.C. Vì hạt gạo chứa đựng bao mồ hôi, công sức của người nông dân.- GV nhận xét, tuyên dương- GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài bài học.- GV nhận xét và chốt ND ( đưa màn hình):*Để làm ra hạt lúa, hạt gạo, người nông dân đã trải qua biết bao vất vả, khổ cực. Hiểu được điều đó, tác giả ca ngợi tinh thần lao động của người nông dân. Vì vậy, Chúng ta phải biết quý trọng công sức của những người lao động.*\* Lồng ghép GDĐĐLS: Biết ơn những người có công với quê hương đất nước (Biết quý hạt gạo, trân trọng công sức của người nông dân trong việc sản xuất lúa gạo)* GDQCN: Quyền được sống trong hoà bình

GD QPAN: Ca ngợi tình dân quân | - H đọc thầm bài, thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi.+ Chi tiết cho thấy hạt gạo được kết tinh từ những tinh tuý của thiên nhiên là: phù sa của sông Kinh Thầy, hương sen thơm trong hồ nước đầy.+ Bài thơ cho thấy sự cần cù, chịu khó, tinh thần vượt lên thử thách khắc nghiệt của thiên nhiên, sức làm việc bền bỉ và tình yêu lao động của người nông dân trong quá trình làm ra hạt gạo. -Nét đẹp ấy được thể hiện qua các hình ảnh: *bão tháng Bảy, mưa tháng Ba, giọt mồ hôi sa, nước như ai nấu, chêt cả cá cờ, cua ngoi lên bờ, mẹ em xuống cấy*.+ HS suy nghĩ, chọn đáp án và giải thích phù hợp.VD: HS chọn đáp án A và giải thích đáp án này cho thấy rõ vai trò của người nông dân trong chiến tranh.+ Bất kể thời gian nào trong ngày (sớm, trưa, chiều), các bạn nhỏ cùng người lớn tham gia chống hạn, tát nước, bắt sâu, gánh phân bón cho lúa.**+** HS chia sẻ câu trả lời theo suy nghĩ cá nhân: Ví dụ HS chọn đáp án C: Hạt gạo được gọi là “hạt vàng” là vì hạt gạo rất quý, con người phải bỏ biết bao công sức, vượt qua bao gian nan, vất vả, một nắng hai sương, chăm chỉ, cần cù mới làm ra hạt gạo.- HS lắng nghe- HS nối tiếp nêu.- HS nhắc lại nội dung bài học. |
| **3.Luyện đọc diễn cảmvà học thuộc lòng. 8 – 10’**- GV yêu cầu HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm đôi tìm giọng đọc diễn cảm cho từng khổ thơ, cả bài.-GV yêu cầu HS nêu giọng đọc diễn cảm từng khổ và đọc thể hiên.-**Toàn bài** : Đọc giọng nhẹ nhàng,tình cảm. Nhấn giọng ở những từ ngữ nêu giá trị của hạt gạo và những khó khăn, vất vả mà người nông dân phải trải qua trong quá trìmh sản xuất lúa gạo.- GV đọc mẫu.-GV yêu cầu HS nhẩm thuộc lòng bài thơ-GV nhận xét, tuyên dương. | -H thảo luận nhóm đôi-H nêu giọng đọc diễn cảm từng khổ thơ và đọc thể hiện.\* Dự kiến:**-Khổ 1:** Đọc với giọng nhẹ nhàng, lắng đọng sau dấu ba chấm cuối khổ thơ, nhấn giong điệp từ *có****-*Khổ 2, 3, 4** : Đọc với giọng tình cảm, lắng đọng sau dấu ba chấm cuối khổ thơ. Nhấn giọng ở những từ ngữ nêu những khó khăn, vất vả mà người nông dân phải trải qua trong quá trìmh sản xuất lúa gạo: *bão tháng bảy,mưa tháng ba, mồ hôi sa,…***-Khổ thơ 5:**Đọc với giọng tha thiết, cảm hứng ca ngợi. Nhấn giọng ở những từ ngữ nêu giá trị của hạt gạo: *gửi ra, gửi về,hạt vàng,…*-HS thực hiện theo yêu cầu của GV-HS lắng nghe-H đọc diễn cảm đoạn mình thích-H nhận xét, chia sẻ-HS nhẩm thuộc lòng bài thơ-HS đọc thuộc lòng trước lớp.-HS lắng nghe |
| **C. Hoạt động vận dụng trải nghiệm 1 – 3’** |
| - GV yêu cầu HS viết vài câu cảm nhận của em về tình cảm của em với những người làm ra hạt thóc, hạt gạo.- Nhận xét, tuyên dương.- GV nhận xét tiết dạy. | - Dự kiến HS trình bày: Các cô chú nông dân làm việc trên cánh đồng không quản ngại mưa gió. Em hiểu rằng làm ra hạt gạo thật vất vả. Em biết ơn các cô chú nông dân…-HS lắng nghe- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

## \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TIẾT 4: TIẾNG VIỆT**

**135: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: CÁCH NỐI CÁC VẾ CÂU GHÉP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1.Kiến thức:**

- Nhận biết được các vế câu trong câu ghép; biết cách nối các vế của câu ghép bằng một kết từ và cách nối trực tiếp các vế của câu ghép (không dùng kết từ mà chỉ dùng dấu câu như dấu phẩy, dấu chấm phẩy*)*

- Viết được đoạn văn về bài thơ đã học.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

**2. Năng lực.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu về cách nối các vế câu trong câu ghép.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Hăng say học hỏi, tích cực phát biểu bài.

- Phẩm chất trách nhiệm: có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- BGĐT,PBT, máy soi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động mở đầu : 2 – 3’** |
| **-GV đưa yêu cầu: Chỉ ra các câu ghép trong đoạn văn.**Mặt trời lên, cả cánh đồng lấp lóa nắng. Trời càng nắng, lúa càng sẫm lại, trĩu bông. Lúc này, cánh đồng đẹp như một tấm thảm. Mỗi khi có gió, những bông lúa ngả đầu vào nhau, sóng lúa nhấp nhô.-GV nhận xét,kết luận câu ghép:+ Mặt trời lên, cả cánh đồng lấp lóa nắng.+ Trời càng nắng, lúa càng sẫm lại, trĩu bông.+ Mỗi khi có gió, những bông lúa ngả đầu vào nhau, sóng lúa nhấp nhô.- Cho HS thi đua*: Nhắc lại ghi nhớ về câu ghép.*- GV nhận xét- Giới thiệu bài *: Tiết Luyện từ và câu trước, các em đã nắm được thế nào là câu ghép. Tiết học hôm nay sẽ giúp các em biết cách nối các vế câu trong câu ghép.* | -HS nêu lại yêu cầu-HS làm nháp-HS nối tiếp nêu câu ghép-HS lắng nghe.- HS nêu**-** HS lắng nghe.-HS lắng nghe,ghi vở. |
| **B. Hoạt động khám phá. 13 – 15’** |
| **\*Bài 1.PBT. ( 6 -8’)**Tìm câu ghép trong các đoạn và cho biết kết từ nào được dùng để nối các vế câu.- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:- GV yêu cầu HS làm PHT,trao đổi nhóm đôi-GV yêu cầu HS soi bài,chia sẻ.

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu ghép** | **Kết từ nối các vế câu** |
| Hoa bưởi là hoa cây còn hoa nhài là hoa bụi. | **còn** |
| Hương toả từ những cánh hoa nhưng hương bưởi và hương nhài chang bao giờ lẫn. | …. |
| Ôi chao, cây khế sai chi chít những quả chín và giàn nhót đỏ mọng những chùm trái ngon lành. | … |
| Thỉnh thoảng, xe chạy chậm lại vì vướng những xe phía trước rồi xe lại lướt lên như mũi tên. | … |

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.- Từ bài tập 1, em có thể nhận xét gì về cách nối các vế câu trong câu ghép?- GV nhận xét kết luận và tuyên dương.**\*Bài 2**. **PBT. ( 6 -8’)** **Tìm các vế của mỗi câu ghép và cho biết cách nối các vế câu ở bài tập này có gì khác so với cách nối các vế câu ở bài tập 1.**- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập.- GV giải thích từ *con da:* là một loại cua giống như cua đồng nhưng to gấp ba, gấp bốn cua đồng, chân dài, thường chỉ xuất hiện vào tháng 9, 10 âm lịch hằng năm nên rất hiếm.- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân,sau đó thảo luận nhóm đôi làm PBT. -GV yêu cầu đại diện 1 nhóm,soi bài chia sẻ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Các vế của câu ghép** | **Cách nối các vế câu có điểm khác với bài tập 1** |
| a. Hoa cánh kiến nở vàng trên rừng, hoa sở và hoa kim anh trắng xoá. |  |  |
| b. Dưới ánh trăng, dòng sông sáng rực lên, những con sóng nhỏ lăn tăn gợn đều mơn man vỗ nhẹ vào hai bên bờ cát. |  |  |
| c. Ở mảnh đất ấy, tháng Giêng, tôi đi đốt bãi, đào ổ chuột; tháng Tám nước lên, tôi đánh giậm, úp cá, đơm tép; tháng Chín, tháng Mười, đi móc con da dưới vệ sông. |  |  |

- Từ bài tập 2, em có thể nhận xét gì về cách nối các vế câu trong câu ghép?- Từ bài 1 và bài 2, em có thể rút ra kết luận gì về cách nối các vế câu trong câu ghép?***-*** Ghi nhớ. | -HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.- HS làm cá nhân PHT,trao đổi nhóm đôi- HS soi bài,chia sẻ:

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu ghép** | **Kết từ nối các vế câu** |
| Hoa bưởi là hoa cây còn hoa nhài là hoa bụi. | **còn** |
| Hương toả từ những cánh hoa nhưng hương bưởi và hương nhài chang bao giờ lẫn. | **nhưng** |
| Ôi chao, cây khế sai chi chít những quả chín và giàn nhót đỏ mọng những chùm trái ngon lành. | **và** |
| Thỉnh thoảng, xe chạy chậm lại vì vướng những xe phía trước rồi xe lại lướt lên như mũi tên. | **rồi** |

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.+ Các vế của câu ghép có thể nối với nhau bằng một kết từ như *(và, rồi, hoặc, còn, nhưng, mà, song,...).*-HS lắng nghe.- 1 HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.- HS lắng nghe.-HS làm bài cá nhân,sau đó thảo luận nhóm đôi làm PBT. - Đại diện các nhóm chia sẻ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Các vế của câu ghép** | **Cách nối các vế câu có điểm khác với bài tập 1** |
| a. Hoa cánh kiến nở vàng trên rừng, hoa sở và hoa kim anh trắng xoá. | vế 1: Hoa cánh kiến nở vàng trên rừngVe 2: hoa sở và hoa kim anh trắng xoá | Nối trực tiếp: không dùng kết từ mà dùng dấu phẩy. |
| b. Dưới ánh trăng, dòng sông sáng rực lên, những con sóng nhỏ lăn tăn gợn đều mơn man vỗ nhẹ vào hai bên bờ cát. | vế 1: dòng sông sáng rực lênvế 2: những con sóng nhỏ lăn tăn gợn đều mơn man vỗ nhẹ vào hai bên bờ cát | Nối trực tiếp: không dùng kết từ mà dùng dấu phẩy. |
| c. Ở mảnh đất ấy, tháng Giêng, tôi đi đốt bãi, đào ổ chuột; tháng Tám nước lên, tôi đánh giậm, úp cá, đơm tép; tháng Chín, tháng Mười, đi móc con da dưới vệ sông. | Vê 1: tháng Giêng, tôi đi đôt bãi, đào ổ chuộtVê 2: tháng Tám nước lên, tôi đánh giậm, úp cá, đơm tép Ve 3: tháng Chín, tháng Mười, đi móc con da dưới vệ sông | Nối trực tiếp: không dùng kết từ mà dùng dâu châm phẩy. |

+ Các vế của câu ghép có thế nối trực tiếp với nhau: giữa các vế không có kết từ mà chỉ có dấu câu (dấu phẩy, dấu chấm phẩy)+ Các vế của câu ghép có thể nối với nhau bằng một kết từ như *(và, rồi, hoặc, còn, nhưng, mà, song,...)*+ Các vế của câu ghép có thế nối trực tiếp với nhau: giữa các vế không có kết từ mà chỉ có dấu câu (dấu phẩy, dấu chấm phẩy)- HS nhắc lại phần ghi nhớ. |
| **C.Hoạt động luyện tập,thực hành.13 - 15** |
| **\*Bài 3. PBT. ( 5 -7’)Chọn kết từ thay cho mỗi bông hoa trong các câu ghép**.- GV yêu cầu HS đọc và nêu yêu cầu của bài tập 3.- GV cho HS làm bài cá nhân ghi kết quả vào phiếu bài tập.- GV yêu cầu HS soi bài,chia sẻ.-GV nhận xét, chốt bài làm đúng:a. Chích bông là loài chim bé nhỏ ***nhưng*** nó lại là loài chim có ích đối với nhà nông.b. Ngoài sân, mèo mun đang nằm sưởi nắng ***và*** cún con cũng vậy.c. Vườn nhà em, ban ngày, hoa mẫu đơn, hoa lan, hoa cúc đua nhau khoe sắc ***còn*** ban đêm, hoa nguyệt quế, hoa hoàng lan, hoa mộc lại cùng nhau toả hương.d. Ngày nghỉ, em dậy sớm đá bóng với bố ***rồi*** em cùng mẹ ra vườn tưới cây.**\*Bài 4.V. ( 6 -8’)****Viết đoạn văn (3-5 câu) về bài thơ *Hạt gạo làng ta,* trong đó có câu ghép gồm các vế nối bằng một kết từ hoặc nối trực tiếp.**- GV yêu cầu 1 HS đọc và xác định yêu cầu đề bài.+ Khi viết đoạn văn em cần lưu ý gì?-GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, viết đoạn văn vào vở.- GV yêu cầu HS soi bài, chia sẻ.- GV và HS nhận xét, góp ý. | - HS đọc đề và nêu yêu cầu BT3.-HS làm bài cá nhân ghi kết quả vào phiếu bài tập.-HS soi bài,chia sẻ.-HS lắng nghe,đối chiếu.- HS đọc và xác định yêu cầu đề bài.-HS nêu- HS viết đoạn văn vào vở.- HS soi bài, chia sẻ.-HS lắng nghe |
| **D. Hoạt động vận dụng trải nghiệm. 1- 3’** |
| + Qua giờ học hôm nay em biết thêm kiến thức gì?+ Em thấy mình học như thế nào?-GV nhận xét giờ học. | -HS nêu-HS nêu-HS lắng nghe |

**TIẾT 4: TIẾNG VIỆT**

**136. VIẾT. QUAN SÁT ĐỂ VIẾT BÀI VĂN TẢ NGƯỜI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1.Kiến thức**

- Biết cách quan sát, nhận ra những đặc điếm nổi bật về ngoại hình, hoạt động, sở trường, sở thích,... của một ngưòi để viết bài văn tả người đó.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

**2. Năng lực.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng quan sát, chuẩn bị làm bài văn tả người.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết quan sát và yêu thương những người xung quanh.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- BGĐT

- PBT, máy soi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động khởi động : 1- 3’** |
| - GV giới thiệu bài hát “Ba ngọn nến lung linh”, sáng tác Ngọc Lễ để khởi động bài học.+ GV cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới. | - HS lắng nghe bài hát “Ba ngọn nến lung linh”- HS cùng trao đổi với GV về nội dung bài hát.- HS lắng nghe. |
| **B. Hoạt động khám phá . 20 – 22’** |
| **1. Chuẩn bị: Chọn người để quan sát theo yêu cầu.( 5 -7’)**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ. - GV lưu ý: Những bức tranh minh họa chỉ là gợi ý cho việc lựa chọn người để quan sát. Đó có thể là người thân trong gia đình, dòng họ; bạn bè trong lớp, người quen biết trong cộng đồng đã để lại ấn tượng tốt đẹp cho mình.- GV mời HS chia sẻ với cả lớp đối tượng quan sát, phương pháp quan sát.- GV nhận xét. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.- HS làm việc cá nhân xác định cách quan sát: quan sát trực tiếp hoặc quan sát qua tranh ảnh, video,...- HS chia sẻ.- HS lắng nghe. |
| **2. Quan sát và ghi chép kết quả.( 14 - 16’)**- GV hướng dẫn quá trình quan sát để đạt được kết quả: Khi quan sát (hoặc nhớ lại những đặc điểm của người được chọn quan sát và miêu tả), cần lựa chọn một số chi tiết tiêu biểu (về ngoại hình, hoạt động, sở trường, sở thích,...) thể hiện nét riêng, giúp phân biệt người được tả với những người khác.- GV mời cả lớp làm việc cá nhân hoàn thành bảng:

|  |  |
| --- | --- |
| Ngoại hình |  |
| Hoạt động |  |
| Sở trường, sở thích |  |

-GV mời HS soi bài,chia sẻ- GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung.- GV nhận xét, tuyên dương và chốt:*Như vậy, khi quan sát để viết bài văn tả người, cần quan sát có chọn lọc, lựa chọn chi tiết tiêu biểu nhất để quan sát, giúp cho quá trình quan sát đạt hiệu quả cao nhất.* | - HS lắng nghe và chọn lọc để ghi chép kết quả.- HS quan sát, ghi chép vào phiếu:- Hoàn thành bảng quan sát:-HS soi bài,chia sẻ

|  |  |
| --- | --- |
| Ngoại hình | * Dáng người
* Nước da
* Gương mặt

- Trang phục |
| Hoạt động | * Việc làm
* Cử chỉ

- Lời nói (có the kết hợp tả giọng nói) |
| Sở trường, sở thích | - Thói quen, sở thích đặc biệt,… |

-HS nhận xét,bổ sung- HS lắng nghe. |
| **C. Hoạt động luyện tập.8 – 10’** |
| **3. Trao đổi về kết quả quan sát.**- GV hướng dẫn HS trao đổi kết quả quan sát:+ Người được quan sát là ai?+ Người đó có những đặc điểm gì nổi bật.- GV mời HS chia sẻ.- GV hướng dẫn HS nhận xét bạn:+ Cách lựa chọn, sắp xếp đặc điếm của người được quan sát có hợp lí không?+ Cách miêu tả đặc điểm (sử dụng từ ngữ, hình ảnh,...) của bạn đã giúp làm nổi bật đặc điếm của người được tả hay chưa?- Mời HS khác nhận xét, bổ sung.- GV kết luận: *Khi quan sát, các em cố gắng nhận ra đặc điểm riêng của người được quan sát và miêu tả. Trong bài văn tả người, để người đọc nhận rõ đặc điểm của người được tả, phụ thuộc vào việc các em lựa chọn từ ngữ, sử dụng những hình ảnh so sánh, liên tưởng,... gây ấn tượng.* | -HS lắng nghe- HS chia sẻ kết quả quan sát được của mình.-HS lắng nghe- Các nhóm nhận xét, bổ sung.-HS lắng nghe |
| **D. Hoạt động vận dụng trải nghiệm. 1 – 3’** |
| - GV tổ chức trò chơi “Bắn tên”- GV tổ chức cho HS chia sẻ sở thích của các thành viên trong gia đình thông qua trò chơi Bắn tên.- GV nhận xét, tuyên dương- GV nhận xét tiết dạy | - HS tham gia trò chơi.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.-HS lắng nghe. |

**TIẾT TIẾNG VIỆT**

**137. ĐỌC. Bài 4: HỘP QUÀ MÀU THIÊN THANH (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1. Kiến thức**:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Hộp quà màu thiên thanh*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời thoại của các nhân vật trong câu chuyện.

Đọc hiểu: Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, hành động, điệu bộ, lòi nói, suy nghĩ, ... Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Tình cảm thầy trò là tình cảm đẹp đẽ, vô cùng đáng quý. Mỗi người cần biết trân trọng, giữ gìn, vun đắp để tình cảm đó mỗi ngày càng đẹp hơn.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý và biết ơn thầy cô giáo.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- BGĐT

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động mở đầu :**  3 – 5’ |
| -GV tổ chức trò chơi “Hộp quà bí mật” - GV hướng dẫn cách chơi:+ Sẽ có 5 hộp quả, 4 hộp có chứa 4 câu hỏi, 1 hộp quà may mắn có món quà. +Câu 1: Hãy đọc thuộc 2 khổ thơ trong bài “Hạt gạo làng ta”+Câu 2: Vì sao hạt gạo được gọi là “hạt vàng’’?+ Câu 3: Bài thơ cho thấy nét đẹp gì của người nông dân trong quá trình làm ra hạt gạo?+ Câu 4: Nội dung của bài thơ?- GV nhận xét, tuyên dương.- GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới. | -HS lắng nghe GV giới thiệu cách chơi.- HS tham gia chơi:- HS đọc thuộc.- Vì hạt gạo kết tinh từ những gì tinh túy của đất trời.- Bài thơ cho thấy sự cần cù, chịu khó, tinh thần vượt lên thử thách khắc nghiệt của thiên nhiên, sức làm việc bền bỉ và tình yêu lao động của người nông dân trong quá trình làm ra hạt gạo.- Bài thơ ca ngợi tinh thần vượt lên khó khăn, vất vả, ca ngợi phẩm chất cần cù, chịu khó của người nông dân trong việc sản xuất ra lúa gạo, nuôi sống con người.- HS lắng nghe.-HS lắng nghe,ghi vở |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.** |
| **1.Luyện đọc đúng:** 18 – 20’- Yêu cầu 1 HS đọc mẫu, cả lớp đọc thầm xác định đoạn- H: Bài chia làm mấy đoạn? -GV chốt 3 đoạn:+ Đoạn 1: Từ đầu đến *hai đứa phóng xe đi.*+ Đoạn 2: Tiếp theo đen *Tàn sẽ rất nhớ cô.*+ Đoạn 3: Phần còn lại.-GV yêu cầu HS:\* Thảo luận nhóm 4: 5’(màn hình) + Tìm từ khó hiểu nghĩa trong bài. + Tìm và luyện đọc từ khó phát âm + Cách ngắt ở các câu dài + Cách đọc đoạn và luyện đọc từng đoạn- Hết TG mời các nhóm lần lượt báo cáo việc thực hiện các YC trên:- YC 1: Trong bài có từ nào em chưa hiểu nghĩa+ GV nghe đại diện nhóm báo cáo, giải đáp những vướng mắc của HS bằng từ điển - YC 2: Trong bài, từ nào khó phát âm?- > GV ghi bảng các từ khó, phân tích 1 số tiếng - mời những em đọc sai đọc lại.- YC 3: Luyện đọc câu dài:- YC 4: Nêu cách đọc đúng từng đoạn của bài.- Nêu cách đọc đúng toàn bài?- YC 1 HS đọc cả bài. | - Đọc thầm, xác định đoạn- 3 đoạn-H đọc nối đoạn- 1 HS đọc yêu cầu- HS thảo luận nhóm 4 thời gian 5 phút.- Đại diện nhóm báo cáo – chia sẻ.- YC 1: Các TN (dự kiến):**+ Thiên thanh**: nói về màu xanh (thanh), cái màu xanh ấy trông như màu da trời (thiên).+ YC 2:Dự kiến một số từ khó:**-Đoạn 2: Câu 5**: *nóng ran.* **Câu 6:** *trìu mến* + YC3:HS luyện đọc một số câu:**- Đoạn 2: Câu 11:***Tân kể lại buổi đi học muộn hôm ấy/ và cả những cô gắng của Tân trong học tập/: dậy sớm hơn để học bài,/ tranh thủ các buổi chiều nghỉ học,/ Tân giúp mẹ việc nhà*.- HS chia sẻ cách đọc đúng từng đoạn – đọc đoạn- Đọc rõ ràng, trôi chảy ngắt nghỉ đúng, phát âm đúng.- 1 HS đọc |
| **2.Tìm hiểu bài:**  10 – 12‘- GV tổ chức cho HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm đôi để trả lời từng câu hỏi:+ Câu 1:Lớp Tân có dự định gì trong buổi tổng kết năm học?+ Câu 2: Khi viết thư cho cô giáo, Tân đã nhớ lại kỉ niệm gì?+ Câu 3: Qua bức thư Tân viết, hãy đoán xem lí do nào khiến Tân đã cố gắng và có nhiều tiến bộ trong học tập.+ Câu 4: Những từ ngữ, chi tiết nào thể hiện tình cảm cô trò trong buổi lễ tổng kết năm học?+ Câu 5: Theo em, hình ảnh “hộp quà màu thiên thanh" trong câu chuyện có ý nghĩa gì? Tìm một nhan đề khác cho câu chuyện.- GV nhận xét, tuyên dương- GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài bài học.- GV nhận xét và chốt*.* (GV chốt ND đưa màn hình)*Tình cảm thầy trò là tình cảm đẹp đẽ, vô cùng đáng quý. Mỗi người cần biết trân trọng, giữ gìn, vun đắp để tình cảm đó mỗi ngày càng đẹp hơn.* | - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:+ Trong buổi tổng kết năm học, lớp Tân có dự đinh tặng cô giáo một món quà bất ngờ bằng cách mỗi bạn viết một lá thư như một món quà đặc biệt để tặng cô chủ nhiệm.Lí do để Tân cố gắng và có nhiều tiến bộ trong học tập:+ Tân là cậu bé rất giàu tình cảm, thương mẹ, biết đỡ đần mẹ việc nhà.+ Tân là cậu bé có ý thức sửa chữa khuyết điếm, biết nghe lời thầy cô. Tân nhận thấy không nên đi học muộn và quyết tâm sửa chữa.+ Cô giáo của Tân là người nghiêm khắc nhưng rất yêu thương học trò. Cô biết cách động viên học trò vươn lên trong học tập. Nhờ những lời động viên của cô mà Tân có thêm nghị lực đe vượt lên khó khăn.

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ ngữ, chi tiết thể hiện tình cảm cô trò** | **Tình cảm, cảm xúc cũa HS và cô giáo** |
| Cô giáo bước vào lớp trong tiếng vỗ tay giòn giã của các bạn.* Quang thay mặt lóp cảm ơn cô đã dạy dỗ.
* Đôi má cô ửng hông khi nhận được hộp quà và lời nhắn nhủ của Quang.
 | - HS rất yêu cô, gắn bó với cô, biểu hiện cảm xúc rất rõ khi cô bước vào.- Cô giáo rất trân trọng tình cảm của HS dành cho mình.- Xúc động trước tình cảm cửa HS dành cho mình, yêu thương và trân trọng HS. |

- Hình ảnh “hộp quà màu thiên thanh” trong câu chuyện thể hiện tình yêu thương, lòng biết ơn của các bạn HS đối với công lao dạy dỗ của thầy cô dành cho mình. Hình ảnh này còn thể hiện tinh thần đoàn kết của các bạn trong lớp, những kỉ niệm đẹp của HS với cô giáo, sự trưởng thành của các bạn HS.- Một sô nhan đề khác có thể là: Buổi lễ tổng kết năm học; Tình cảm cô trò; Kỉ niệm khó quên; Món quà tặng cô, Những lá thư gửi cô;... Em thích nhan đề đó vì nhan đề hay, chuyển tải được thông điệp của bài đọc, nêu được ý nghĩa của câu chuyện.- HS nêu ND bài học theo hiểu biết của mình.- HS đọc lại nội dung bài học. |
| **C. Hoạt động vận dụng trải nghiệm ( 1 – 3’)** |
| -GV yêu cầu HS nêu cảm nhận sau bài học.-GV nhận xét giờ học. | -H nêu cảm nhận sau bài học-HS lắng nghe |

**TIẾT TIẾNG VIỆT**

 **138. ĐỌC. Bài 4: HỘP QUÀ MÀU THIÊN THANH ( TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1. Kiến thức**:

 - Đọc diễn cảm cả bài, cần biết đọc phù hợp với lời người kể chuyện, lời đối thoại của các nhân vật trong câu chuyện Nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những tình tiết bất ngờ hoặc thể hiện suy nghĩ nội tâm của nhân vật trong câu chuyện, giọng cô giáo ấm áp; giọng HS trong trẻo, hồn nhiên

.

 - HS mở rộng vốn từ về *kỉ niệm*. Hiểu nghĩa của một số từ Hán Việt bắt đầu bằng tiếng *kỉ*. Xác định được câu ghép.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý và biết ơn thầy cô giáo.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- BGĐT, PBT,máy soi

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A. Hoạt động mở đầu : 3 – 5’** |
| -GV yêu cầu 3 HS nối tiếp đọc bài “**Hộp quà màu thiên thanh”,** 1 HS nêu nội dung bài.-GV nhận xét, giới thiệu bài. | - HS thực hiện-H lắng nghe |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.** |
| 1**.Luyện đọc diễn cảm. 13 – 15’**- GV yêu cầu HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm đôi tìm giọng đọc diễn cảm cho từng đoạn, cả bài.-GV yêu cầu HS nêu giọng đọc từng đoạn và đọc thể hiện-GV nhận xét.**-Toàn bài :** Đọc chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thế hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.- GV đọc mẫu.-GV nhận xét, tuyên dương | -HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm đôi**\* Dự kiến:****-Đoạn1:** Đọc giọng kể chuyện chậm rãi, tình cảm.Nhấn giọng các từ ngữ:*món quà đặc biệt,..***-Đoạn 2:** Giọng đọc chậm rãi, tìnhcảm sâu lắng, nhấn giọng các từ ngữ: *nóng ran, trìu mến, cảm xúc dâng trào, rất nhớ cô,..***-Đoạn 3:** Giọng đọc chậm rãi, tìnhcảm sâu lắng, nhấn giọng các từ ngữ: *giữ bí mật,ửng hồng, hộp quà đặc biệt,..*-H thực hiện theo yêu càu của GV-H lắng nghe-H lắng nghe-H theo dõi-H đọc diễn cảm đoạn mình thích-H nhận xét, chia sẻ |
| **2.Luyện tập theo văn bản. 13 – 15’** |
| **\*Bài 1. PBT.( 4 – 6’) Chọn nghĩa phù hợp với mỗi từ*.***- GV yêu cầu HS đọc đề bài.- Mời HS làm việc cá nhân.- - GV mời HS nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm để tìm hiểu nội dung bài tập.- HS làm bài cá nhân -HS soi bài,chia sẻ trước lớp

|  |  |
| --- | --- |
| Từ | Nghĩa của từ |
| Kỉ niệm | cái hiện lại trong trí óc về những sự việc đáng ghi nhớ đã qua |
| Kỉ vật | vật được giữ lại làm kỉ niệm |
| Kỉ yếu | tập tài liệu ghi lại những điều cốt yếu |
| Kỉ lục | thành tích được chính thức thừa nhận là cao nhât, từ trước đên nay chưa ai đạt được |

- HS nhận xét bạn.-HS lắng nghe |
| **\*Bài 2. PBT.( 4 – 6’) Chọn từ ở bài tập 1 thay cho bông hoa để hoàn chỉnh câu*.***- GV yêu cầu HS đọc đề bài.- Mời HS làm việc cá nhân vào phiếu học tập và trình bày trước lớp.- GV mời HS nhận xét các nhóm.- GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm để tìm hiểu nội dung bài tập.- HS làm việc cá nhân vào phiếu học tập và trình bày:a. Trên giá sách, ông tôi dành một góc nhỏ để trưng bày các **kỉ vật** của những người đồng đội cũ.b. Cuối học kì II, lớp tôi có dự định làm cuốn **kỉ yếu** đế lưu lại những **kỉ niệm** tuổi thơ dưới mái trường tiểu học.c. Tôi đã cùng gia đình đi du lịch Phú Quốc, chuyến đi ấy để lại cho tôi những **kỉ niệm** đẹp.- HS nhận xét các nhóm.- HS lắng nghe, sửa chữa. |
| **\*Bài 3. M. .( 4 – 6’) Trong những câu ở bài tập 2, câu nào là câu ghép?**-GV yêu cầu HS đọc thầm và nêu yêu cầu bài.-GV yêu cầu HS phân tích cấu tạo các câu ở bài 2+ Trong các câu ở bài 2 câu nào là câu ghép? | -HS thực hiện-HS phân tích cấu tạo câu-Câu c |
| **C. Hoạt động vận dụng trải nghiệm. 2 – 4’** |
| - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu một số việc nên làm để thể hiện lòng biết ơn với thầy cô giáo.- Nhận xét, tuyên dương.- GV nhận xét tiết dạy.- Dặn dò bài về nhà. | - HS suy nghĩ cá nhân và nêu một số việc làm tốt tại trường, lớp hoặc nơi em ở.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TIẾT 3 TIẾNG VIỆT**

**139. VIẾT: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN TẢ NGƯỜI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1. Kiến thức:**

- Biết cách lập dàn ý cho bài văn tả người đúng yêu cầu của đề bài và theo đúng các bước cần thiết.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

**2. Năng lực.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng lập dàn ý cho bài văn tả người.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp khi chia sẻ bài.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: biết đoàn kết, nhân ái và giúp đỡ nhau trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

-BGĐT

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A.Hoạt động khởi động :** 2 – 3’ |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại những đặc điểm cần lưu ý khi quan sát chuẩn bị viết bài văn tả người.- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới*Ở tiết học trước, các em đã hiểu quan sát đặc điểm của người trước khi tả,…Tiết học này chúng ta sẽ lập dàn ý cho bài văn tả người trong bài học hôm nay: “*Lập dàn ý cho bài văn tả người” | - 1 HS nhắc lại đặc điểm cần lưu ý khi quan sát để viết bài văn trước khi tả người.- HS lắng nghe. |
| **B. Hoạt động khám phá. 18 – 20’** |
| - GV mời HS đọc yêu cầu của đề bài.- HS dựa vào kết quả quan sát của hoạt động Viết ở Bài 3, chọn đề bài phù hợp để lập dàn ý.- GV lưu ý về cấu tạo của dàn ý bài văn tả người.- Một số HS chia sẻ đề bài và lí do chọn đề bài đó.- Đọc lại kết quả quan sát. - Lựa chọn trình tự miêu tả: - GV mời đại diện các nhóm trình bày.- GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung.- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai) và chốt: | - HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.- HS làm việc cá nhân chọn đề bài để lập dàn ý phù hợp.- HS lắng nghe.- HS chia sẻ.- HS tự lập dàn ý (làm việc cá nhân): đọc thầm, đọc lướt hướng dẫn lập dàn ý trong SHS (theo 3 phần của bài văn) và dựa vào các nội dung đã chuẩn bị đế lập dàn ý.- Đại diện các nhóm trình bày kết quả.- Cả lớp nhận xét nhận xét. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **C. Hoạt động luyện tập . 8- 10’** |
| **Góp ý và chỉnh sửa dàn ý**- GV yêu cầu HS đọc soát dàn ý của mình, tự chỉnh sửa, bổ sung.- Làm việc nhóm: Đọc dàn ý của bạn và góp ý dàn ý cho bạn.- GV mời cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và đưa ra ý kiến của mình.- GV mời đại diện các nhóm trình bày.- GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung.- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai). | - HS làm việc cá nhân: Tự rà soát và chỉnh sửa dàn ý đã lập.- Đọc chéo dàn ý của nhau và góp ý cho bạn: + Lựa chọn được những đặc điểm về ngoại hình, hoạt động,... để làm nổi bật những nét riêng, giúp phân biệt người được tả với những người khác.+ Có những dẫn chứng cụ thể (hoạt động, sở trường,...) thể hiện được tính cách, phẩm chất của người được tả.- Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và góp ý cho bạn:- Đại diện các nhóm trình bày.- Các nhóm nhận xét, bổ sung.-HS lắng nghe |
| **D. Hoạt động vận dụng trải nghiệm . 2 - 4** |
| - GV yêu cầu HS chia sẻ: Những điểm cần lưu ý để viết bài văn tả người đúng yêu cầu.- GV nhận xét tiết dạy. | - HS trả lời: Dựa vào tiết tìm hiểu cách viết bài văn tả người- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TIẾT 4 TIẾNG VIỆT**

**140. NÓI VÀ NGHE: NÉT ĐẸP HỌC ĐƯỜNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

**1. Kiến thức:**

- Biết thảo luận về một vấn đề được nhiều người quan tâm, cụ thể là nét đẹp trong ứng xử học đường của HS ngày nay; biết dùng lí lẽ và dẫn chứng đế thuyết phục người đối thoại; biết thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự khi thảo luận.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

**2. Năng lực.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực chia sẻ về vấn đề nét đẹp trong ứng xử học đường của HS ngày nay.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về một vấn đề được nhiều người quan tâm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong khi chia sẻ các vấn đề.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm trong làm việc nhóm, chia sẻ vấn đề.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- BGĐT

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **A.Hoạt động mở đầu :** 2 – 3’ |
| - GV giới thiệu bài hát “Con chim vành khuyên”<https://www.youtube.com/watch?v=w66_EBYZAa8>- Nội dung bài hát nói về chủ đề gì?- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài:*Qua bài hát cho chúng ta chim vành khuyên là một bạn nhỏ luôn luôn lễ phép khi gặp người khác, thể hiện qua lời chào. Vậy trong cuộc sống học đường hằng ngày, chúng ta cần phải làm gì để có cách cư xử đẹp, đúng mực, chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học ngày hôm nay.* | - HS Lắng nghe bài hát và cùng trao đổi về nội dung bài hát.- Nội dung bài hát về chú chim vành khuyên biết vâng lời.- HS lắng nghe. |
| **B. Hoạt động luyện tập,thực hành. 28 – 30’** |
| **1. Thế nào là nét đẹp học đường?( 5 -7)**- GV yêu cầu học sinh chia sẻ với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi: - Em hiểu thế nào là nét đẹp học đường?- GV nhận xét, chốt vấn đề- GV yêu cầu HS suy nghĩ nhớ lại những câu chuyện đã đọc hoặc đọc câu chuyện em đã chuẩn bị trước.**2. Thảo luận, chia sẻ về biểu hiện của ứng xử đẹp trong học đường: ( 18- 20’)**- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4:+ Biểu hiện của những ứng xử đẹp trong trường học.GV lưu ý: Biểu hiện với thầy cô, bạn bè rồi đến cán bộ trong trường (cô chú làm việc ở văn phòng, thư viện, bác bảo vệ,...). Vì thầy cô và bạn bè là hai đối tượng giao tiếp mà HS thường xuyên tương tác hằng ngày trong trường học.+ Tự nhận xét, đánh giá về những ứng xử của bản thân trong trường học: những ứng xử đẹp và những ứng xử chưa đẹp.- GV yêu cầu đại diện các nhóm chia sẻ, các nhóm khác nhận xét, đánh giá. | - HS thảo luận cùng bạn.- Là vẻ đẹp trong văn hóa ứng xử của học sinh ở trường học. Ứng xử đẹp là ứng xử chuẩn mực, phù hợp với giao tiếp của HS với thầy cô, bạn bè và các cô bác, những người làm việc trong trường học.-HS lắng nghe-HS thực hiện- Các nhóm lần lượt thảo luận từng nội dung: + Biểu hiện của những ứng xử đẹp trong trường học: lời nói, cử chỉ, việc làm, thái độ.Lời nói: Khi gặp gỡ, tạm biệt, khi giúp đỡ người khác, khi được người khác giúp đỡ,...- Ví dụ:\* Biểu hiện của ứng xử đẹp trong giao tiếp với thầy cô giáo:+ Luôn thể hiện sự kính trọng và lễ phép; không có hành động và cử chỉ thiếu chuẩn mực đạo đức, vô lễ với thầy cô,..+ Khi gặp thầy cô biết nói lời chào thể hiện sự lễ phép,...+ Khi hỏi và trả lời: Biết nói đầy đủ có chủ ngữ và vị ngữ, từ ngữ xưng hô đảm bảo tôn ti trật tự,..+ Khi mắc lỗi, biết lựa chọn thời điểm và từ ngữ để xin lỗi, thể hiện sự chân thành, thực sự biết lỗi và muốn sửa lỗi.\* Biểu hiện của ứng xử đẹp trong giao tiếp với bạn bè:+ Sử dụng từ ngữ xưng hô đúng vai giao tiếp với bạn bè: cởi mở, trong sáng,..+ Không gọi nhau bằng những từ ngữ chỉ để gọi những người tôn kính như: ông bà, bố mẹ,..+ Khi gặp gỡ hoặc tạm biệt, biết bắt tay nhau hoặc nói lời chào đảm bảo sự trong sáng, thân mật, không làm ầm ĩ ảnh hưởng đến người xung quanh.+ Khi thăm hỏi, giúp đỡ bạn bè: Lời nói đảm bảo sự chân thành, tinh tế, không xa lánh, coi thường bạn, không có thái độ kì thị với ngoại hình của bạn,...+ Khi mắc lỗi: Chủ động gặp bạn để xin lỗi cùng thái độ chân thành,..+ Khi thảo luận với bạn: Biết lắng nghe tích cực, tôn trọng ý kiến khác biệt,... + Tự nhận xét, đánh giá về những ứng xử của bản thân trong trường học: những ứng xử đẹp và những ứng xử chưa đẹp.+ Đại diện các nhóm trình bày, chia sẻ. |
| **3. Đánh giá. ( 4 -6’)**- Bình chọn những gương mặt điển hình trong quá trình thảo luận:+ Người có đóng góp nhiều nhất cho nội dung thảo luận.+ Ngươi có lí lẽ và dẫn chứng xác đáng nhất khi nêu ý kiến.+ Ngươi có phong cách trình bày thu hút nhất.- GV đánh giá kết quả thảo luận theo tiến trình thảo luận | - HS tham gia bình chọn.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **C. Hoạt động vận dụng trải nghiệm . 1- 3’** |
| - GV giao việc cho HS về nhà:+ *Chia sẻ với người thân về những ứng xử đẹp trong trưòng học mà em và các bạn đã thảo luận*.- GV nhận xét tiết dạy. | - HS lắng nghe nhiệm vụ về nhà.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |